

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa anh P và chị X”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tùng Chinh.
2. Ông Nguyễn Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 63/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01/3/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2017. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Tấn P, sinh năm 1983 (có mặt).

Trú tại: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23/02/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phan Tấn P trình bày: anh P và chị X do tự quen biết tìm hiểu nhau trước nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre khoảng năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống ở ấp V, xã K, thời gian hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp nhau nên anh và chị X đã thuận tình ly hôn với nhau vào khoảng năm 2009, sau đó anh và

chị X hàn gắn đoàn tụ lại nên tiến hành đăng ký kết hôn lại vào năm 2014 và sống chung cho đến nay. Nhưng sau khi vợ chồng anh có con chung thứ hai là cháu Phan Tấn K sinh năm 2014 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mất hạnh phúc chủ yếu là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm với nhau, thường hay cãi vã nhau, vợ chồng còn sống chung nhưng không quan tâm lẫn nhau, thực tế anh và chị X đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh xin được ly hôn với chị X.

Về con chung: anh và chị X có với nhau 02 con chung là cháu Phan Tấn H, sinh ngày 17/4/2003 và Phan Tấn K, sinh ngày 25/4/2014, hiện 02 con đang sống chung với anh và chị X tại nhà cha mẹ ruột của anh ở ấp V, xã K. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm nghề tài xế, nhà cha mẹ ruột có xe ô tô riêng nên đảm bảo điều kiện nuôi con, còn chị X thì chỉ làm công việc nội trợ trong gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành pháp luật tốt, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật do còn vắng mặt tại các lần Tòa án mời hòa giải và xét xử.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Tấn P; về con chung: anh P được trực tiếp nuôi hai con là Phan Tấn H, sinh ngày 17/4/2003 và Phan Tấn K, sinh ngày 25/4/2014, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu; về tài sản chung: không có nên không xem xét; về nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị X là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Tấn P và chị Nguyễn Thị Trúc X trên cơ sở tự quen biết tìm hiểu nhau trước nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ

chức lễ cưới vào năm 2002, có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Quá trình hôn nhân của anh P và chị X tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn anh P và chị X có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc anh P xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh P cho rằng: nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh và chị X bất đồng quan điểm với nhau, thường hay cãi vã nhau, vợ chồng còn sống chung nhưng không quan tâm lẫn nhau, thực tế anh và chị X đã ly thân hơn 01 năm nay; mặt khác anh và chị X cũng đã thuận tình ly hôn với nhau vào khoảng năm 2009 sau đó anh chị mới tiến hành đăng ký kết hôn lại vào năm 2014. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời anh P và chị X đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng chị X vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị X không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với anh P, anh chị còn sống chung nhưng không quan tâm lẫn nhau, bỏ mặc nhau, hơn nữa theo anh P trình bày thì anh chị đã ly thân nhau hơn 01 năm và vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh P và chị X mâu thuẫn là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: anh P và chị X có 02 con chung là cháu Phan Tấn H, sinh ngày 17/4/2003 và Phan Tấn K, sinh ngày 25/4/2014, hiện 02 con đang sống chung với anh P và chị X tại nhà cha mẹ ruột của anh P ở ấp V, xã K. Sau khi ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H và cháu K đang sống chung với anh P và chị X tại nhà cha mẹ ruột của anh P, hiện anh P đang làm nghề tài xế, còn chị X thì chỉ làm công việc nội trợ trong gia đình, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H và cháu K, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu K cho anh P được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc anh P không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: anh P trình bày là không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: anh P trình bày là không có nên không đề cập.

[7] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh P phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Tấn P. Anh Phan Tấn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc X.

Về nuôi con chung: anh Phan Tấn P được trực tiếp nuôi con là Phan Tấn H, sinh ngày 17/4/2003 và Phan Tấn K, sinh ngày 25/4/2014, hiện đang sống chung với anh P; chị Nguyễn Thị Trúc X không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: anh P trình bày là không có nên không xem xét.

Về nợ chung: anh P trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Phan Tấn P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxxx ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên anh không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt